

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số” giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045 trên địa bàn xã Diễn Châu

-----

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 15/11/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW;

Căn cứ Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 02/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số” giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 03/3/2026 của UBND tỉnh Nghệ An triển khai Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số” giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Diễn Châu lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Đề án xây dựng và phát triển xã Diễn Châu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Ban thường vụ Đảng ủy xã Diễn Châu ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số” giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045, với các nội dung chủ yếu sau:

#### I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa kịp thời, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã về tăng trưởng nhanh, bền vững; tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân.

2. Phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế của xã Diễn Châu là địa bàn trung tâm khu vực phía Đông, có vị trí kết nối giữa hành lang kinh tế ven biển với hành lang kinh tế quốc lộ 7; khai thác tốt địa điểm phát triển thương mại - dịch vụ, đô thị, nông nghiệp hàng hóa, kinh tế biển, kinh tế số và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp.

3. Tổ chức thực hiện bảo đảm tinh thần “6 rõ”: rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ nguồn lực, rõ kết quả; gắn trách nhiệm tập thể với trách nhiệm người đứng đầu; lấy kết quả thực hiện làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân hằng năm.

4. Việc tổ chức thực hiện phải bám sát thực tiễn sau sáp nhập đơn vị hành chính, phù hợp điều kiện nguồn lực của xã, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các lĩnh vực có khả năng tạo giá trị gia tăng, tăng thu ngân sách, nâng cao chất lượng sống và tạo nền tảng để Diễn Châu sớm đạt tiêu chí phường, đô thị loại III.

## **II- MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của xã đạt mức cao, phấn đấu đóng góp tích cực cùng tỉnh thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số” trong giai đoạn 2026 - 2030; xây dựng nền tảng phát triển nhanh, bền vững đến năm 2045; đưa Diễn Châu trở thành phường, đô thị loại III trước năm 2030, là một cực phát triển quan trọng của khu vực phía Đông tỉnh Nghệ An.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

- Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm ở mức từ 13-14%.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp nhưng nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và tính bền vững.
- Hoàn thiện dần các tiêu chí về phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, quản lý trật tự xây dựng, môi trường và văn minh đô thị; phấn đấu đáp ứng mục tiêu đưa Diễn Châu trở thành phường, đô thị loại III trước năm 2030.
- Tăng thu ngân sách hàng năm, tạo thêm nguồn lực cho đầu tư phát triển; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, khuyến khích hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và hợp tác xã phát triển bền vững.

### **3. Tầm nhìn đến năm 2045**

Xây dựng Diễn Châu trở thành phường phát triển toàn diện, xanh, văn minh, hiện đại; kinh tế phát triển dựa trên dịch vụ, công nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh và quản trị hiện đại; là trung tâm quan trọng trong không gian đô thị Phủ Diễn trực thuộc tỉnh Nghệ An.

## **III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo đồng thuận cao trong toàn Đảng bộ và Nhân dân**

Tiếp tục quán triệt sâu sắc các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và Đảng ủy xã về mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về yêu cầu thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số” giai đoạn 2026 - 2030. Đưa nội dung này vào chương trình công tác toàn khóa, chương trình công tác hằng năm, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu, tạo quyết tâm chính trị cao và đồng thuận xã hội rộng rãi trong quá trình tổ chức thực hiện.

## **2. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch, cơ chế và danh mục nhiệm vụ trọng điểm phục vụ tăng trưởng**

Tập trung rà soát, cập nhật, bổ sung và cụ thể hóa các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển đô thị, kế hoạch đầu tư công trung hạn, các đề án phát triển ngành, lĩnh vực bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp định hướng phát triển của xã sau sáp nhập đơn vị hành chính. Chủ động xác định rõ không gian phát triển, các khu vực động lực, các công trình, dự án ưu tiên; hình thành danh mục nhiệm vụ, đề án, dự án trọng điểm giai đoạn 2026 - 2030 làm cơ sở cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện.

## **3. Phát triển mạnh các động lực tăng trưởng, nhất là khu vực kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW**

Phát triển mạnh các động lực tăng trưởng của xã theo hướng khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, kết cấu hạ tầng, thương mại - dịch vụ, kinh tế biển, nông nghiệp hàng hóa, tiểu thủ công nghiệp, kinh tế số và kinh tế xanh. Quán triệt sâu sắc và triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu ngân sách, đổi mới sáng tạo và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn.

Khuyến khích phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh theo hướng bền vững, hiệu quả, đúng pháp luật; hỗ trợ hộ kinh doanh có đủ điều kiện chuyển đổi thành doanh nghiệp; thúc đẩy hình thành các cơ sở sản xuất, kinh doanh có năng lực cạnh tranh, quản trị tốt, gắn với chuyển đổi số, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và liên kết chuỗi giá trị. Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tạo thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân trong tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, thủ tục hành chính, thông tin quy hoạch, tín dụng, lao động, chuyển giao công nghệ và mở rộng thị trường.

Ưu tiên hỗ trợ phát triển các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của xã như thương mại - dịch vụ, chế biến nông - thủy sản, logistics, kinh tế biển, du lịch, dịch vụ đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kinh tế xanh và kinh tế số; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn hóa sản phẩm, tham gia chương trình OCOP, thương mại điện tử và liên kết sản xuất - tiêu thụ. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, cấp nước, xử lý rác thải và các dự án phát triển đô thị, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng “02 con số” của xã trong giai đoạn 2026 - 2030.

## **4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện, nhất là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; xây

dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành; xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với yêu cầu thực tiễn của địa phương, tạo nền tảng nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của xã.

#### **5. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng**

Tập trung huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn hợp pháp khác và nguồn lực xã hội hóa để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại. Ưu tiên các công trình, dự án hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ, đô thị, môi trường, giáo dục, y tế, văn hóa, hạ tầng số, cấp nước sạch, xử lý chất thải và các công trình tạo động lực phát triển; bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và khả năng lan tỏa phát triển.

#### **6. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và bảo đảm an sinh xã hội**

Gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, chăm lo đối tượng chính sách, người có công, người yếu thế. Đẩy mạnh xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nếp sống văn minh đô thị và nông thôn mới nâng cao; giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương.

#### **7. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu**

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, trật tự xây dựng, bảo vệ môi trường; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với yêu cầu phát triển bền vững. Chú trọng đầu tư, nâng cao chất lượng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; cải thiện hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, chỉnh trang cảnh quan nông thôn và đô thị; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sạt lở, ngập úng và các yếu tố bất lợi khác do biến đổi khí hậu gây ra, nhất là tại các khu vực ven biển, ven sông và vùng thấp trũng trên địa bàn.

#### **8. Giữ vững quốc phòng, an ninh; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh**

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển. Tăng cường công tác nắm tình hình, phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đồng thời, tiếp tục xây dựng Đảng và hệ

thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, tạo nền tảng chính trị vững chắc để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển của xã.

#### **IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Ban Thường vụ Đảng ủy xã Diên Châu:** Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh; định kỳ nghe và cho ý kiến về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch; kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

**2. Đảng bộ Ủy ban nhân dân xã:** Tập trung chỉ đạo UBND xã, các phòng, ngành, khối, xóm và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp chủ trương phát triển kinh tế xã hội của xã giai đoạn 2026-2030 và định hướng những năm tiếp theo; Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy.

**3. Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy** tham mưu công tác quán triệt, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết; tham mưu đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ lãnh đạo, quản lý.

**4. Ủy ban MTTQ Việt Nam xã** và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tạo đồng thuận trong cộng đồng.

**5. Các tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy xã:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch được ban hành để tổ chức thực hiện; phân công đảng viên phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực, địa bàn.

**6. Văn phòng Đảng ủy:** Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy để chỉ đạo kịp thời.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy để xem xét, chỉ đạo hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết.

#### Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c),
- Các đồng chí UV BCH Đảng ủy xã,
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ xã Diên Châu,
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH xã,
- Ban XD Đảng, UBKT, VP Đảng ủy,
- Các chi bộ trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**

**Hà Xuân Quang**

**Phụ lục 01:**  
**CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG "2 CON SỐ" GIAI ĐOẠN 2026-2030 XÃ DIỄN CHÂU**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030					Tăng trưởng bình quân 2026-2030 (%)	
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030		
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu kinh tế</b>							
1	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn (theo giá so sánh)	Tr.đồng	<b>4.889.719</b>	<b>5.558.770</b>	<b>6.325.201</b>	<b>7.199.195</b>	<b>8.201.532</b>	<b>13,58</b>
1,1	- Nông - Lâm - Thủy sản		865.488	887.469	909.894	931.246	949.698	3,10
1,2	- Công nghiệp - Xây dựng		2.234.801	2.557.119	2.921.478	3.316.010	3.760.831	14,58
1,2	- Dịch vụ		1.789.430	2.114.182	2.493.829	2.951.939	3.491.003	16,61
2	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn (theo giá thực tế)	Tr.đồng	<b>8.980.917</b>	<b>10.419.074</b>	<b>12.093.143</b>	<b>14.032.754</b>	<b>16.289.782</b>	
2,1	- Nông - Lâm - Thủy sản		1.794.658	1.888.239	1.985.385	2.082.718	2.175.821	
2,2	- Công nghiệp - Xây dựng		4.026.066	4.743.548	5.577.191	6.512.416	7.594.899	
2,3	- Dịch vụ		3.160.192	3.787.286	4.530.567	5.437.620	6.519.061	

3	Tốc độ tăng trưởng Tổng giá trị sản phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2026-2030	%	<b>13,58</b>					
	Tốc độ tăng trưởng Tổng giá trị sản phẩm hàng năm	%	<b>12,71</b>	<b>13,68</b>	<b>13,79</b>	<b>13,82</b>	<b>13,92</b>	
3,1	- Nông - Lâm - Thủy sản	%	6,18	2,54	2,53	2,35	1,98	
3,2	- Công nghiệp - Xây dựng	%	17,35	14,42	14,25	13,50	13,41	
3,3	- Dịch vụ	%	10,54	18,15	17,96	18,37	18,26	
4	Cơ cấu kinh tế		<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	
4,1	- Nông - Lâm - Thủy sản	%	19,98	18,12	16,42	14,84	13,36	
4,2	- Công nghiệp - Xây dựng	%	44,83	45,53	46,12	46,41	46,62	
4,3	- Dịch vụ	%	35,19	36,35	37,46	38,75	40,02	
5	Tổng thu ngân sách nhà nước bình quân hàng năm	Tr.đồng	<b>169.290</b>	<b>187.912</b>	<b>208.582</b>	<b>231.526</b>	<b>256.994</b>	19,73
	Thu nhập bình quân đầu người		<b>83,6</b>	<b>93,2</b>	<b>104,0</b>	<b>116,2</b>	<b>130,0</b>	11,63
6	Tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn đến năm 2030 so với năm 2025 tăng	Tr.đồng	11,40	24,21	38,68	54,98	73,34	
7	Tỷ lệ đường cấp xã trên địa bàn được cứng hóa	%	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
<b>II</b>	<b>VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI (09 CHỈ TIÊU)</b>							
8	Tỷ lệ tăng dân số	%	Từ 1,5-2,0%/năm					

9	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95,11	95,37	95,6	95,85	96,27	
10	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH	%	29,32	31,74	33,1	34,46	36,22	
11	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc-xin	%	100	100	100	100	100	
12	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đến năm 2030 dưới	%	Đến năm 2030 đạt dưới 0,8%					
13	Tỷ lệ gia đình thể thao	%	55,5	56	56,5	57	58	
14	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố văn hóa	%	Đến năm 2030 đạt 95,23%					
15	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia	%	94,11	94,11	94,11	94,11	100	
16	Chỉ số chuyển đổi số cấp xã (DTI)	Xếp hạng	33/130	31/130	29/130	27/130	25/130	

**Phụ lục 02****NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN TRỌNG ĐIỂM ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG "02 CON SỐ" XÃ DIỄN CHÂU THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026 -2030**

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, đề án</b>	<b>Cơ quan chủ trì thực hiện</b>	<b>Cơ quan phối hợp thực hiện</b>	<b>Tiến độ thực hiện</b>	<b>Thẩm quyền phê duyệt</b>	<b>Sản phẩm</b>
1	Thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030	UBND xã Diễn Châu	Các cơ quan liên quan	2026	Ban Thường vụ Đảng uỷ xã	Kế hoạch
2	Thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	UBND xã Diễn Châu	Các cơ quan liên quan	2026	Ban Thường vụ Đảng uỷ xã	Kế hoạch
3	Đề án Thu hút đầu tư gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ xã Diễn Châu giai đoạn 2025 – 2030	UBND xã Diễn Châu	Các cơ quan liên quan	2026	Ban Thường vụ Đảng uỷ xã	Đề án
4	Đề án Phát triển giáo dục xã Diễn Châu giai đoạn 2025-2030	UBND xã Diễn Châu	Các cơ quan liên quan	2026	Ban Thường vụ Đảng uỷ xã	Đề án

5	Nghị quyết “ Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về xây dựng chuyên hóa địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy và xây dựng “Xã không ma túy” tại địa bàn xã Diễn Châu giai đoạn 2025 -2030.”	Công an xã Diễn Châu	Các cơ quan liên quan	2026	Ban Thường vụ Đảng ủy xã	Nghị quyết
6	Đề án đổi mới phương thức lãnh đạo của Tổ chức Đảng thuộc Đảng bộ xã Diễn Châu giai đoạn 2026-2030	Ban Xây dựng Đảng	Các cơ quan liên quan	2026	Ban Thường vụ Đảng ủy xã	Đề án
7	Đề án Nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy vai trò khối đại đoàn kết toàn dân tộc của UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội xã Diễn Châu giai đoạn 2025-2030	MTTQ xã	Các cơ quan liên quan	2026	Ban Thường vụ Đảng ủy xã	Đề án
8	Đề án phát triển đô thị Diễn Châu giai đoạn 2026-2030	UBND xã Diễn Châu	Các cơ quan liên quan	2026	Ban Thường vụ Đảng ủy xã	Đề án

**Phụ lục 3****DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG "02 CON SỐ" XÃ DIỄN CHÂU GIAI ĐOẠN 2026-2030**

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, dự án</b>	<b>Kinh phí (Tỷ đồng)</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
<b>I</b>	<b>DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH XÃ GIAI ĐOẠN 2026-2030</b>	<b>464.926</b>	Giai đoạn 2026-2030
	<b>Công trình dân dụng (Trụ sở, chợ, nghĩa trang...)</b>		
1	Mở rộng chợ Diễn Thành	26.000	Giai đoạn 2026-2030
2	Cải tạo, nâng cấp sân, mương thoát nước và các hạng mục phụ trợ Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	3.000	Giai đoạn 2026-2030
	<b>Công trình giao thông</b>		
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nội thị Thị trấn Diễn Châu (đoạn qua trường Ngô Trí Hòa)	2.962	Giai đoạn 2026-2030
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xóm 3, xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu ( giai đoạn 2)	7.490	Giai đoạn 2026-2030
5	Nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 1A( xóm 9) đi khu du lịch biển Diễn Thành, huyện Diễn Châu	9.717	Giai đoạn 2026-2030
6	Nâng cấp đường giao thông nông thôn và mương tiêu nước xóm Yên Xuân,xóm Phúc Nguyên xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu	6.500	Giai đoạn 2026-2030
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và mương thoát nước Khối 4, đoạn từ Trường Tiểu học Thị Trấn Diễn Châu đến QL7, huyện Diễn Châu	27	Giai đoạn 2026-2030

8	Đường trục trung tâm thương mại Bắc Nam đô thị Diễn Châu mở rộng	10.931	Giai đoạn 2026-2030
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ xóm Hải Trung đi sân vận động xóm Chiến Thắng	9.500	Giai đoạn 2026-2030
10	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông liên xóm 1,2 đi Khối 3, xã Diễn Châu	14.000	Giai đoạn 2026-2030
11	Nâng cấp một số tuyến đường giao thông trên địa bàn xóm 2, xã Diễn Châu	14.900	Giai đoạn 2026-2030
12	Nâng cấp một số tuyến đường giao thông liên xóm 10,11 xã Diễn Châu đoạn từ Đường khu du lịch biển Diễn Thành đến Nhà văn hoá xóm 11	10.000	Giai đoạn 2026-2030
13	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông trên địa bàn khối 1, khối 2 và khối 3, xã Diễn Châu	9.000	Giai đoạn 2026-2030
14	Nâng cấp một số tuyến đường giao thông xóm 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đi giáo xứ Xuân Phong và đoạn Giáo xứ Xuân Phong đi Quốc lộ 7 kéo dài	5.500	Giai đoạn 2026-2030
15	Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương tiêu, đường nội đồng xóm 1 và xóm Tràng Thân xã Diễn Phúc	6.000	Giai đoạn 2026-2030
16	Nâng cấp đường giao thông nông thôn xóm Tân Đoàn và xóm Tràng Thân xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu	8.000	Giai đoạn 2026-2030
17	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông vượt núi êm thuận tuyến đường sắt Bắc - Nam đoạn xóm Phúc Thiêm, xã Diễn Châu	2.000	Giai đoạn 2026-2030
18	Nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng nối Cầu Diễn Hoa, nghĩa trang xóm đến trục đường liên xã, xóm Phượng Lịch 1, xã Diễn Châu	7.000	Giai đoạn 2026-2030

19	Nâng cấp các tuyến đường giao thông, mương thoát nước nội đồng trên địa bàn xã Diễn Châu	6.500	Giai đoạn 2026-2030
	<b>Công trình hạ tầng kỹ thuật, thoát nước</b>		
20	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng xóm Tràng Thân và xóm Tân Minh xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu	2.080	Giai đoạn 2026-2030
21	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng từ Quốc lộ 1A đi xóm 3, xã Diễn Châu	2.000	Giai đoạn 2026-2030
22	Xây dựng hệ thống mương tiêu thoát nước vùng trung tâm huyện Diễn Châu	23.394	Giai đoạn 2026-2030
23	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại vùng Sứ Vệt xóm Yên Thịnh, xã Diễn Châu	1.300	Giai đoạn 2026-2030
24	Xây dựng tuyến mương thoát nước khu vực dân cư các xóm Quyết Thắng, Quyết Thành và xóm Hải Trung, xã Diễn Châu	12.000	Giai đoạn 2026-2030
25	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại vùng Nam chợ chiều xóm Trung Trường, xã Diễn Châu	11.500	Giai đoạn 2026-2030
26	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại Xóm Phương Lịch 1, xã Diễn Châu (Tây quán Thủy Phương)	12.000	Giai đoạn 2026-2030
27	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại Xóm Phương Lịch 1, xã Diễn Châu (Đông đường sắt Bắc - Nam)	11.000	Giai đoạn 2026-2030
28	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Chiến Thắng, xã Diễn Châu	6.000	Giai đoạn 2026-2030
29	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Hải Bắc (đông trụ sở Diễn Bích cũ)	3.200	Giai đoạn 2026-2030
30	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại Vùng Mẫu 8, Nam Trường Mầm non, xã Diễn Châu	10.400	Giai đoạn 2026-2030

31	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại Vùng Mẫu 8, Tây Trường Mầm non, xã Diễn Châu	12.000	Giai đoạn 2026-2030
32	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại Vùng xóm 2 và xóm Tràng Thân, xã Diễn Châu	13.500	Giai đoạn 2026-2030
33	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại vùng Lạch Dừa, xóm Phúc Thiêm, xã Diễn Châu	17.880	Giai đoạn 2026-2030
34	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại vùng Đồng Chiên Nam, xóm 7, xã Diễn Châu	6.000	Giai đoạn 2026-2030
<b>Công trình giáo dục</b>			
35	Cải tạo, sửa chữa Nhà học 2 tầng 12 phòng và xây dựng các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu	9.977	Giai đoạn 2026-2030
36	Nhà học 3 phòng kiêm hiệu bộ trường Mầm non Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu	8.230	Giai đoạn 2026-2030
37	Nâng cấp Sân, khuôn viên, cải tạo sửa chữa Nhà học và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Diễn Bích	6.179	Giai đoạn 2026-2030
38	Xây dựng Nhà bếp trường Mầm non Diễn Ngọc	207	Giai đoạn 2026-2030
39	Xây dựng trường Mầm non Diễn Phúc, huyện Diễn Châu	57.700	Giai đoạn 2026-2030
40	Cải tạo, sửa chữa 04 phòng học và hiệu bộ Trường mầm non Diễn Bích (CS2)	5.500	Giai đoạn 2026-2030
41	Xây dựng dãy nhà học Trường mầm non Diễn Hoa	6.000	Giai đoạn 2026-2030
42	Mở rộng Trường mầm non Diễn Thành	3.000	Giai đoạn 2026-2030

43	Cải tạo, nâng cấp sân, tường bao, mương thoát nước và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Diễm Ngọc, xã Diễm Châu	3.500	Giai đoạn 2026-2030
44	Cải tạo, nâng cấp dãy nhà học 2 tầng 20 phòng Trường Tiểu học Diễm Bích	3.000	Giai đoạn 2026-2030
45	Xây dựng Nhà học 12 phòng Trường Tiểu học Thị Trấn	12.500	Giai đoạn 2026-2030
46	Xây dựng Nhà học 3 tầng và nhà hiệu bộ Trường Tiểu học Diễm Ngọc, xã Diễm Châu	12.000	Giai đoạn 2026-2030
47	Cải tạo các dãy nhà học, đa chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Diễm Hoa	3.500	Giai đoạn 2026-2030
48	Xây dựng Nhà học Trường THCS Diễm Ngọc	7.500	Giai đoạn 2026-2030
49	Xây dựng Nhà học đa năng Trường THCS Thị trấn	4.500	Giai đoạn 2026-2030
50	Cải tạo sửa chữa dãy nhà học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Diễm Thành	6.000	Giai đoạn 2026-2030
	<b>Công trình Y tế, Văn hoá - Thể thao</b>		
51	Sân thể thao xã Diễm Thành	500	Giai đoạn 2026-2030
52	<b>Nhiệm vụ quy hoạch</b>	11.850	Giai đoạn 2026-2030
<b>II</b>	<b>DỰ ÁN XÃ HỘI HOÁ, THU HÚT ĐẦU TƯ</b>		
1	Khu đô thị ven sông Lạch Vạn xã Diễm Châu	Vốn đầu tư xã hội	Giai đoạn 2026-2030

2	Khu đô thị tại khu vực Hói Gon, Sác Mạc, xã Diễn Châu	Vốn đầu tư xã hội	Giai đoạn 2026-2030
3	Khu đô thị tại khu vực xóm Sò, xã Diễn Châu	Vốn đầu tư xã hội	Giai đoạn 2026-2030
4	Khu đô thị tại khu vực Làng Yên, xã Diễn Châu	Vốn đầu tư xã hội	Giai đoạn 2026-2030
5	Tổ hợp thương mại dịch vụ và đất ở Nam Sông Cầu Bùng tại xã Diễn Châu	Vốn đầu tư xã hội	Giai đoạn 2026-2030
6	Khu nhà ở và dịch vụ thương mại tại (xã Diễn Ngọc cũ), xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Vốn đầu tư xã hội	Giai đoạn 2026-2030
7	Khu nhà ở và dịch vụ thương mại tại (xã Diễn Hoa cũ) , xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Vốn đầu tư xã hội	Giai đoạn 2026-2030
8	Khu nhà ở thấp tầng tại xóm Tràng Thân, xã Diễn Châu	Vốn đầu tư xã hội	Giai đoạn 2026-2030
9	Nâng cấp công suất Nhà máy nước Diễn Châu.	Vốn đầu tư xã hội	Giai đoạn 2026-2030
10	Xây dựng mới bến xe trung tâm tại xã Diễn Châu.	Vốn đầu tư xã hội	Giai đoạn 2026-2030
11	Đầu tư xây dựng Bến cá Diễn Bích, xã Diễn Châu	Vốn đầu tư xã hội	Giai đoạn 2026-2030
12	Khu du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng ven biển xã Diễn Châu	Vốn đầu tư xã hội	Giai đoạn 2026-2030
13	Đầu tư xây dựng trung tâm đào tạo nghề cấp đô thị	Vốn đầu tư xã hội	Giai đoạn 2026-2030